TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: **118/**2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 04 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn 1, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Xuân B**, sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn 1, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **X.**
Địa chỉ: CC5- Bán đảo Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T1**- Chức vụ: Tổng giám đốc X.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông **Trần T2**. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch X huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Tiến N**, Sinh năm 1971
Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch X huyện B.
Địa chỉ: số 02, đường H, thị trấn L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐINH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thị T với anh Đỗ Xuân B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Đỗ Xuân B thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Đỗ Xuân B thỏa thuận giao con chung là Đỗ Thị Mai P1, sinh ngày 28/6/2003 cho anh Đỗ Xuân B tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con chung là Đỗ Thị Mai L3, sinh ngày 28/5/2008 cho chị Đặng Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Xuân B và chị Đặng Thị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

"Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình"

- Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T và anh Đỗ Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đặng Thị T có trách nhiệm trả cho X- Phòng giao dịch X huyện B số tiền nợ gốc là 62.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 26/9/2019 là 290.466 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 62.290.466 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng vay vốn theo sổ vay vốn của người vay Đỗ Xuân B với mã khách hàng là 7085534057 theo 02 mã món vay 6600000711921125 và 6600000713572005 cho đến khi chị Đặng Thị T thực hiện xong nghĩa vụ cho X- Phòng giao dịch X huyện B.

- Về án phí: Chị Đặng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tự nguyện ly hôn và hòa giải thành số tiền là 150.000 đồng và án phí Dân sự sơ thẩm là 1.557.000 đồng. Tổng cộng án phí chị Đặng Thị T phải nộp là 1.707.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0012852 ngày 26/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Đặng Thị T còn phải nộp án phí số tiền 1.407.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND xã Đ, T5, Đồng Nai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Biên